

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Quản trị - Quản lý

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: ĐỖ ANH ĐỨC

2. Ngày tháng năm sinh: 15/10/1983; Nam ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 222 Hàng Bông, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 36 Nguyễn Việt Xuân, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0813686666; E-mail: ducda@neu.edu.vn/anhduc1510@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 02/2005 đến 03/2011: Cán bộ Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy

- Từ 04/2011 đến 02/2013: Cán bộ Công ty Thủy điện SGI Lào

- Từ 03/2013 đến 01/2016: Cán bộ Công ty Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Việt.

- Từ 02/2016 đến 11/2017: Giảng viên Bộ môn Quản lý Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Từ 12/2017 đến 07/2018: Giảng viên, Phó chủ nhiệm Bộ môn Quản lý Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 08/2018 đến 01/2020: Giảng viên, Phó Viện trưởng Viện Giáo dục Kỹ năng và Trí tuệ Sáng tạo, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Từ 02/2020 đến nay: Giảng viên Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng phụ trách Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: 207 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.36.280.280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

+ Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 06 năm 2005; số văn bằng: C647729; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam;

+ Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 06 năm 2010; số văn bằng: 005573; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế Tài chính Ngân hàng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam;

+ Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 10 năm 2015; số văn bằng: 004667; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Quản lý Kinh tế; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam;

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quản trị tổ chức.

+ Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành vi cá nhân trong tổ chức.

+ Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và công nghiệp 4.0.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
  - + Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Nhà nước (Nafosted);
  - + Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ và tương đương;
  - + Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở;
  - + Thư ký 01 đề tài cấp Bộ và tương đương;
  - + Thành viên nghiên cứu chính 02 đề tài cấp Bộ và tương đương.
- Đã công bố (số lượng) 48 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 06, trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- + Bằng khen học sinh giỏi quốc gia lớp 12 năm học 2000-2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh.
- + Bằng khen đạt giải Olympic toán học sinh viên toàn quốc năm 2003, 2004, 2005 của Hội toán học Việt Nam.
- + Bằng khen Đảng viên trẻ tiêu biểu khối Doanh nghiệp Trung ương nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2010 của Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Khối Doanh nghiệp Trung ương.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi luôn giữ vững lập trường, tư tưởng, phẩm chất chính trị của người Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, và chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Tôi luôn tự rèn luyện tu dưỡng đạo đức, phẩm chất và đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của người giảng viên theo quy định của Nhà nước. Trong quá trình công tác, tôi luôn phấn đấu vươn lên về mọi mặt, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên rèn luyện trau dồi đạo đức của người giáo viên. Tôi luôn có ý thức phấn đấu trong giảng dạy và

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

nghiên cứu khoa học, đóng góp công sức của mình vào hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học tại trường đại học nơi tôi công tác.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 5 năm 6 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016							
2	2016-2017						155	155/195/132
3	2017-2018			01			243	243/405/172
03 năm học cuối								
4	2018-2019			01			227	227/434/163
5	2019-2020	01		01		63	90	153/441/239
6	2020-2021	01	01	02		324	96	420/725/270

(\*)

- Từ trước ngày 14/6/2019, quy định chế độ làm việc đối với giảng viên thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2015 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHKT ngày 25/03/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHKT - ĐHQGHN. Định mức công việc giảng dạy áp dụng cho giảng viên trong 1 năm (tính từ ngày 1/1 đến hết ngày 31/12 hàng năm).

- Từ ngày 14/6/2019, quy định chế độ làm việc đối với giảng viên thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-ĐHKT, ngày 14/6/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHKT-ĐHQGHN.

- Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Được cấp chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh Bậc 4 ngày 17/03/2021; số hiệu: CC002762; nơi cấp: Trường Đại học Hà Nội, Việt Nam.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Huyền Trang		HVCH	X		6/2017-6/2018	Trường Đại học Kinh tế	Cấp bằng: 06/06/2018
2	Lương Thúy Hằng		HVCH	X		11/2017-12/2018	Trường Đại học Kinh tế	Cấp bằng: 26/12/2018
3	Thái Thị Huyền		HVCH	X		01/2019-12/2019	Trường Đại học Kinh tế	Cấp bằng: 26/12/2019
4	Lê Thị Ngọc Diệp		HVCH	X		10/2019-11/2020	Trường Đại học Kinh tế	Cấp bằng: 26/11/2020
5	Nguyễn Ngọc Quỳnh		HVCH	X		10/2010-11/2020	Trường Đại học Kinh tế	Cấp bằng: 26/11/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Giải pháp quản lý chuyển đổi công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ở đại truyền hình Việt Nam	CK (ISBN: 978-604-72-0905-7)	Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2015	4	TS Nguyễn Quốc Huy	193-218; 251-275	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ký ngày 28/06/2021
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>							
2	Tối ưu hoá quản trị tri thức số: Chính phủ - Doanh nghiệp – Thư viện	CK (ISBN: 978-604-9848-28-5)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019	Nhiều tác giả	TS Nguyễn Hoàng Sơn	124-132	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ký ngày 28/06/2021
3	Phát triển mô hình trung tâm tri thức số cho các thư viện Việt Nam	CK (ISBN: 978-604-315-365-1)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020	Nhiều tác giả	TS Nguyễn Hoàng Sơn	199-215	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ký ngày 29/06/2021
4	Quản trị điểm hạn chế - TOC Nội dung cơ bản và hướng dẫn áp dụng	CK (ISBN: 978-604-65-5420-2)	Nhà xuất bản lao động - xã hội, 2020	6	PGS.TS Tạ Văn Lợi	51-118	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ký ngày 30/06/2021

5	Năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên trong bối cảnh kinh tế số	CK (ISBN: 978-604-330-009-3)	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	1	TS Đỗ Anh Đức	1-196	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ký ngày 30/06/2021
6	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	GT (ISBN: 978-604-330-058-1)	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	6	PGS.TS Tạ Văn Lợi	109-152	Giấy xác nhận sử dụng sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ký ngày 30/07/2021

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: chủ biên một mình 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản [5].

**Lưu ý:**

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>				
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>				
1	Tín dụng sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	CN	Mã số: KT.17.04, Đề tài cấp cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2017-2018	Nghiệm thu ngày 02/11/2018, xếp loại Khá

2	Đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp xanh sử dụng mô hình triển khai chức năng chất lượng	CN	Mã số: CA.18.2A, Đề tài cấp Bộ và tương đương: Đại học Quốc Gia Hà Nội	2018-2020	Nghiệm thu ngày 09/09/2020, xếp loại Xuất sắc
3	Tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên tại Đại học quốc gia Hà Nội	CN	Mã số: 503.01-2018.03, Đề tài cấp Nhà nước: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted)	2018-2020	Nghiệm thu ngày 21/10/2020, xếp loại Đạt
4	Nghiên cứu cách thức tiến hành triển khai tuyên truyền, quảng bá về kết quả áp dụng mô hình quản trị điểm hạn chế TOC cho doanh nghiệp Việt Nam	CN	Đề tài nhánh 13 Đề tài cấp Nhà nước 03.11/2019/HĐ-DA2	2019-2020	Nghiệm thu ngày 28/12/2020, xếp loại Tốt
5	Nghiên cứu áp dụng thí điểm về mô hình quản trị điểm hạn chế TOC (Doanh nghiệp số 02)	TK	Đề tài nhánh 07 Đề tài 03.11/2019/HĐ-DA2	2019-2020	Nghiệm thu ngày 30/12/2020, xếp loại Xuất sắc
6	Xây dựng tài liệu mô hình quản trị điểm hạn chế TOC để nâng cao năng suất cho các doanh nghiệp Việt Nam & báo cáo đề xuất phương án nhân rộng mô hình quản trị điểm hạn chế TOC vào doanh nghiệp Việt Nam	TV	Đề tài nhánh 05 Đề tài 03.11/2019/HĐ-DA2	2019-2020	Nghiệm thu ngày 30/12/2021, xếp loại Xuất sắc
7	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	CN	Mã số: KTQD/V2020.51, Đề tài cấp cơ sở Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2020-2021	Nghiệm thu ngày 07/5/2021, xếp loại Tốt
8	Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành dịch vụ logistics Việt Nam đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0	TV	Mã số: DT203001, Đề tài cấp Bộ và tương đương: Bộ Giao thông vận tải	2020-2021	Nghiệm thu ngày 31/3/2021, xếp loại Đạt



Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
<b>Hướng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quản trị tổ chức</b>								
1	Tăng cường huy động vốn ở Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy	01	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 157, 56-60	2010
2	Những biện pháp nâng cao hiệu quả tín dụng ở Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy	01	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 158, 59-62, 64	2010
<b>Hướng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành vi cá nhân trong tổ chức</b>								
3	Nâng cao năng lực quản lý của chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa	01	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			Số 22, 32-33	2014

4	Khảo sát kỹ năng quản lý của giám đốc DNNVV trên địa bàn Hà Nội	01	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			Số 23, 55-57	2014
5	Năng lực quản lý của giám đốc doanh nghiệp bất động sản trong điều kiện mới hiện nay	01	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Kinh doanh bất động sản - cơ hội và thách thức trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi (ISBN: 978-604-927-854-9)			457-461	2014
<b>Hướng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và công nghiệp 4.0</b>								
6	Nghiên cứu áp dụng một số kỹ thuật xử lý dữ liệu tiên tiến	02		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 155, tập 3, 147-152	2010
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
<b>Hướng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quản trị tổ chức</b>								
7	Research on Knowledge Management Models at Universities Using Fuzzy Analytic Hierarchy Process (FAHP)	07	X		Sustainability, ISSN: 2071-1050 (Tạp chí ISI, IF 3.251, Scopus Q1) <a href="https://doi.org/10.3390/su13020809">https://doi.org/10.3390/su13020809</a>		Tập 13, số 2, 1-15	2021

8	A dynamic generalized fuzzy multi-criteria group decision making approach for green supplier segmentation	07	X		PLOS ONE, eISSN: 1932-6203 (Tập chí ISI, IF 3.240, Scopus Q1) <a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0245187">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0245187</a>		Tập 16, số 5, 1-13	2021
9	Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến trong các trường đại học tại Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp 4.0	01	X	Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)			Số 16, 164-169	2021
10	Appication of the Theory of Constraints (TOC) to improve the productivity of Vietnam enterprises	02		Proceedings International Conference Trade and International Economic impacts on Vietnam Firms - TEIF (ISBN: 978-604-65-5419-6)			618-627	2020

11	An analytical framework considering the effect of education and training on firms' innovation	02	X	Proceedings International Research Conference Innovation & Entrepreneurship for Suitable Development Goals: A Journey of 5 Years and the Path Ahead (ISBN: 978-604-30-1444-0)			137-147	2020
12	Green Supply Chain Management in Vietnam Industrial Zone: Province-Level Evidence	04	X		Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN: 2288-4645 (Tập chí ESCI) <a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no7.403">https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no7.403</a>		Tập 7, số 7, 403-412	2020
13	Ứng dụng mô hình triển khai chức năng chất lượng tích hợp trong lựa chọn nhà cung cấp xanh	01	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 97-104	2020
14	Quản lý đội ngũ giảng viên ở Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn	02	X	Tạp chí Quản lý Nhà nước (ISSN: 2354-0761)			Số 296, 105-108	2020

15	Quality function deployment method under interval neutrosophic environment for sustainable supplier selection	06	X	Asian Journal of Scientific Research (ISSN: 1992-1454)			Tập 12, số 3, 352-360	2019
16	Green supply chain management practices and destination image: Evidence from Vietnam tourism industry	05	X		Uncertain Supply Chain Management, ISSN: 2291-6822 (Tạp chí Scopus Q2) DOI: 10.5267/j.uscm.2019.11.003		Tập 8, số 2, 371-378	2019
17	Xây dựng mô hình triển khai chức năng chất lượng để đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp	02	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 262, 80-88	2019
18	Xây dựng mô hình đại học định hướng đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0	02	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (ISSN: 0868-3808)			Số 512, 25-27	2018

<b>Hướng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành vi cá nhân trong tổ chức</b>								
19	An empirical investigation of students' startup intention in Vietnam	01	X	Journal of Economics and Development (ISSN: 1859-0020) (Nhà xuất bản Emerald)			85-96	2021
20	An Analytical Framework Considering the Effects of Online Teaching Quality on Student Satisfaction	05	X	European Journal of Business and Management (ISSN: 2222-1905)			Tập 13, số 6, 83-88	2021
21	Theoretical Framework on the Role of Knowledge Management for Students on Academic Performance	04	X	Information and Knowledge Management (ISSN: 2224-5758)			Tập 11, số 2, 51-56	2021
22	Evaluation of the impact of motivation to work on the performance of lecturers using exploratory factor analysis and multi-linear regression model	04	X		Journal of Advanced and Applied Sciences, ISSN: 2313-626X (Tập chí ESCI)		Tập 8, số 1, 117-124	2021

23	Nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên trong các trường đại học	01	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)		Số 286, 96-106	2021
24	Lecturers' Research Capacity Assessment Using an Extension of Generalized Fuzzy Multi-criteria Decision-Making Approach	07	X		International Journal of Fuzzy Systems, ISSN: 1562-2479 (Tạp chí ISI, IF 4.673, Scopus Q1) <a href="https://doi.org/10.1007/s40815-020-00951-5">https://doi.org/10.1007/s40815-020-00951-5</a>	Tập 22, 2652 – 2663	2020
25	Evaluation of lecturers' performance using a novel hierarchical multi-criteria model based on an interval complex Neutrosophic set	07	X		Decision Science Letters, ISSN: 1929-5804 (Tạp chí Scopus Q3) DOI: 10.5267/j.dsl.2020.1.003	Tập 9, số 2, 119-144	2020
26	Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: cơ hội, thách thức đối với quyền của người lao động Việt Nam	02	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tới thương mại và đầu tư Việt Nam (ISBN: 978-604-67-1318-0)		794-806	2020

27	Ứng dụng mô hình ra quyết định trong đánh giá năng lực giảng viên	05		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 266, 85-92	2019
28	A Dynamic Fuzzy Multiple Criteria Decision - Making Approach for Lecturer Performance Evaluation	06	X		Journal of Management Information and Decision Sciences, ISSN: 1524-7252 (Tạp chí Scopus Q2) <a href="https://www.abacademies.org/abstract/a-dynamic-fuzzy-multiple-criteria-decisionmaking-approach-for-lecturer-performance-evaluation-8485.html">https://www.abacademies.org/abstract/a-dynamic-fuzzy-multiple-criteria-decisionmaking-approach-for-lecturer-performance-evaluation-8485.html</a>		Tập 22, số 3, 250-261	2019
29	Xây dựng tiêu chuẩn giảng viên cho Đại học nghiên cứu ở Việt Nam	02	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 252, tập 2, 20-32	2018
<b>Hướng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và công nghiệp 4.0</b>								
30	Developing the Digital Economy in Vietnam in the Context of Industry 4.0	01	X	Proceedings International Conference on Socio-Economic and Environment Issues in Development (ISBN: 978-604-79-2811-8)			747-756	2021



31	Tác động của đại dịch Covid-19 đến ngành dịch vụ Logistics Việt Nam	01	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Kinh tế Việt Nam 2020 và triển vọng năm 2021 Ứng phó và vượt qua đại dịch COVID-19, hướng tới phục hồi và phát triển (ISBN: 978-604-946-994-7)			362-370	2021
32	Triển khai huy động nguồn lực xã hội hóa thông qua phương thức đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại tỉnh Quảng Ninh	01	X	Tạp chí Công sản (ISSN: e2734-9071)			1-9	2021
33	Spillover Effects of FDI on Technology Innovation of Vietnamese Enterprises	03	X		Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN: 2288-4645 (Tạp chí ESCI) <a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no1.655">https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no1.655</a>		Tập 8, số 1, 655-663	2021
34	Opportunities and challenges for logistics enterprises in Vietnam in the context of international economic integration	01	X	Proceedings International Research Conference Human resources development for logistics in Vietnam (ISBN: 978-604-30-1723-6)			424-435	2020

35	Thực trạng và định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả xã hội hóa dịch vụ công ở Việt Nam	02	X	Tạp chí công thương (ISSN: 0866-7756)		Số 5, 193-198	2020
36	Phát triển Logistics xanh tại Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế	01	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Đào tạo nguồn nhân lực ngành logistics định hướng nghề nghiệp quốc tế (ISBN: 978-604-73-7635-3)		116-127	2020
37	Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp 4.0	01	X	Tạp chí Kinh tế và Quản lý (ISSN: 1859-4565)		Số 33, 57-60	2020
38	Investigating Foreign Direct Investment Attractive Factors of Korean Direct Investment into Vietnam	05	X		Journal of Asian Finance, Economics and Business, ISSN: 2288-4645 (Tạp chí ESCI) <a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no6">https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no6</a> 117	Tập 7, số 6, 117-125	2020

39	Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước trong khu vực Đông Nam Á và một số khuyến nghị đối với tỉnh Quảng Ninh	02	X	Tạp chí công thương (ISSN: 0866-7756)			Số 3, 64-69	2020
40	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển nền kinh tế xanh và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	02	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Sự hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường: Lý luận, kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam (ISBN: 978-604-922-808-7)			243-252	2019
41	Thực trạng tín dụng sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	01	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (ISSN: 0868-3808)			Số 523, 49-51	2018
42	Prioritization of Factors Impacting on Water Security Using Analytic Hierarchy Process Method	04		Asian Journal of Scientific Research (ISSN: 1992-1454)			Tập 10, số 3, 236-243	2017

43	Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, phát triển nông thôn mới	02	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			Số 35, 28-30	2017
44	Giải pháp thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới	02	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			Số 31, 24-26	2017
45	Đề DNNVV Việt Nam đón đầu được các cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	02	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			Số 26, 27-29	2017
46	Cơ hội và thách thức của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với công nghiệp Việt Nam	02		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số 241, 17-22	2017
47	Cạnh tranh và thách thức trên thị trường bán lẻ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập TPP	01	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			Số đặc biệt, 18-23	2016

48	Đề chính sách phát triển nhà ở xã hội đi vào cuộc sống	01	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)		Số 8, 90-92	2016
----	--	----	---	---	--	-------------	------

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 10 bài [7,8,12,16,22,24,25,28,33,38]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đề tài nghiên cứu tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên tại Đại học quốc gia Hà Nội (Mã số: 503.01-2018.03)	Chủ nhiệm	Quyết định số 67/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 09/05/2018 của Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	Đại học Quốc gia Hà Nội	Công văn số 2237/ĐHQGH-N-TCCB ngày 30/07/2021	
2	Đề tài nghiên cứu tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên tại Đại học quốc gia Hà Nội (Mã số: 503.01-2018.03)	Chủ nhiệm	Quyết định số 67/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 09/05/2018 của Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia	Trường Đại học Công Đoàn	Công văn số 153/ĐHCĐ-QLKH ngày 24/06/2021	
3	Đề tài nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Mã số KTQD/V2020.51)	Chủ nhiệm	Quyết định số 1615/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/07/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp Sáng tạo Quốc Gia	Công văn số 62/NSSC-HCTH ngày 13/7/2021.	

4	Đề tài đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp xanh sử dụng mô hình triển khai chức năng chất lượng (Mã số: CA.18.2A)	Chủ nhiệm	Quyết định số 13/2018/QĐ-NCCA ngày 14/06/2018 của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ nghiên cứu Châu Á	Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	Công văn số 586/KQT-KHCN&HTP T ngày 01/07/2021
5	Đề tài nhánh Nghiên cứu, xây dựng, phổ biến, hướng dẫn áp dụng Mô hình Quản trị điểm hạn chế (TOC) để nâng cao năng suất cho các doanh nghiệp Việt Nam (Mã số 03.11/2019-DA2)	Chủ nhiệm	Quyết định số 2753/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn	Báo cáo kết quả áp dụng mô hình quản trị điểm hạn chế (TOC) ngày 30/12/2020

- Trưởng Tiểu ban điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN theo Quyết định số 596/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 18/03/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban điều chỉnh, cập nhật các chương trình đào tạo tiến sĩ.

- Biên soạn đề cương học phần Đàm phán và quản lý xung đột theo phương thức đào tạo tiến chỉ (Bậc đào tạo sau đại học) năm 2018 cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý Kinh tế Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

- Trưởng nhóm viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo phục vụ đánh giá ngoài, cụ thể: Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra cho Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN năm 2019 (Thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016).

- Thư ký Tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng bậc đại học hệ chính quy năm 2021 theo Quyết định số 114/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 11/03/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Thành viên tổ công tác xây dựng đề án chương trình liên kết đào tạo cử nhân quản trị chuỗi cung ứng và thương mại điện tử giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Waikato, New Zealand theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/05/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc tổ công tác xây dựng đề án chương trình liên kết đào tạo cử nhân quản trị chuỗi cung ứng và thương mại điện tử giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Waikato, New Zealand.

- Chủ trì Nhóm nghiên cứu định hướng truyền thông Trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2021 theo Quyết định số 1356/QĐ-ĐHKTQD ngày 26/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc giao nhiệm vụ KHCN cấp Trường cho nhóm nghiên cứu định hướng truyền thông năm 2021 mã số: ĐHTT2021.02.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 1 năm 6 tháng.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH



Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021.

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Đỗ Anh Đức**